

Số: /BC-CTK

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định
Tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Tháng 11 năm 2024, thời tiết tại Bình Định đã chuyển sang mùa mưa, tuy nhiên nước rút nhanh nên không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn duy trì sự ổn định và tăng trưởng qua các tháng nhờ vào việc đẩy mạnh sản xuất ở các ngành chủ lực. Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì ổn định, hàng hóa lưu thông thông suốt; tháng 11 trên địa bàn tỉnh đã bước vào mùa mưa và cũng là tháng thấp điểm của hoạt động du lịch, tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ đã tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, giá cả hợp lý với nhiều loại mặt hàng giảm giá đã góp phần kích cầu tiêu dùng.

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2024 có những kết quả nổi bật như sau:

- Trên lĩnh vực nông nghiệp, nông dân tập trung chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng vụ Mùa; công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được đẩy mạnh, các hoạt động kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ được tăng cường nhằm hạn chế dịch bệnh phát sinh và lây lan trong điều kiện thời tiết vào mùa mưa;

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 11/2024 tăng 4,58% so với tháng trước và tăng 8,97% so cùng kỳ; lũy kế 11 tháng năm 2024 so cùng kỳ tăng 9,8% (cùng kỳ tăng 2,74%);

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2024 ước đạt 8.929 tỷ đồng, giảm 1% so với tháng trước và tăng 4,7% so cùng kỳ; lũy kế 11 tháng năm 2024 ước đạt 106.243,9 tỷ đồng, tăng 12,4% so cùng kỳ;

- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2024 ước đạt 183,5 triệu USD, giảm 5,1% so tháng trước và tăng 4,5% so cùng kỳ; lũy kế 11 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 1.985,5 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, riêng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.572 triệu USD, tăng 12,3% so cùng kỳ, bằng 95,3% kế hoạch năm 2024; Cán cân thương mại hàng hóa 11 tháng đầu năm 2024 ước tính xuất siêu 1.158,5 triệu USD;

- Hàng hoá thông qua cảng biển tại địa phương trong tháng 11 năm 2024 ước đạt 1.060 nghìn TTQ, giảm 8,7% so với tháng trước, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, ước đạt 13.216,4 nghìn TTQ tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước;

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Bình Định tháng 11 năm 2024 tăng 0,06% so tháng trước; tăng 2,72% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,68% so với tháng 12 năm trước; bình quân 11 tháng năm 2024 tăng 2,73% so với cùng kỳ;

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành Nông Nghiệp đã đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người nông dân; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến có hiệu quả. Công tác quản lý kiểm soát chăn nuôi, phát triển tái đàn gắn với phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh luôn được tăng cường và phát huy hiệu quả. Công tác trồng, chăm sóc, quản lý và phòng chống chữa cháy rừng được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo kịp thời, hạn chế cháy rừng trong kỳ. Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình nuôi tôm công nghệ cao từ Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) nuôi tôm theo hướng VietGap, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường nuôi tôm thẻ chân trắng ở vùng nuôi cho năng suất cao.

1.1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Mùa đạt 16.476,3 ha, tăng 3,7% (+584,1 ha) so với vụ Mùa năm 2023. Trong đó, diện tích cây lúa đạt 4.520,3 ha, tăng 4,4% (+190,3 ha); diện tích cây trồng cạn đạt 11.956 ha, tăng 3,4% (+393,8 ha) so với cùng kỳ.

Tính đến ngày 21/11/2024, năng suất lúa vụ Mùa toàn tỉnh ước đạt 47,3 tạ/ha, tăng 1,7% (+0,8 tạ/ha) so với năm 2023. Sản lượng thu hoạch lúa đạt 18.858,5 tấn, tăng 3,2% (+588,6 tấn) so cùng kỳ.

Cùng với việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong vụ cho phù hợp với thời tiết khí hậu, một số diện tích cây trồng cạn ở địa phương đã được chuyển đổi, đảm bảo chuyển dịch cây trồng theo hướng thích nghi với từng vùng, từng chân đất, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Tính đến ngày 21/11/2024, tiến độ gieo trồng và thu hoạch một số cây trồng cạn như sau:

- Cây ngô đã gieo trồng được 8.720,7 ha, tăng 0,5% (+46,9 ha) so với cùng kỳ;

trong đó, diện tích thu hoạch được 8.293,9 ha, giảm 1,7% (-144,4 ha); sản lượng ước đạt 53.571,2 tấn, giảm 0,9% (-505,2 ha) so với cùng kỳ;

- Cây đậu tương đã gieo trồng đạt 77,4 ha, tăng 4,3% (+3,2 ha) so với cùng kỳ; trong đó diện tích thu hoạch được 77,4 ha, tăng 4,3% (+3,2 ha); sản lượng ước đạt 170,2 tấn, tăng 1,5% (+2,5 tấn) so với cùng kỳ;

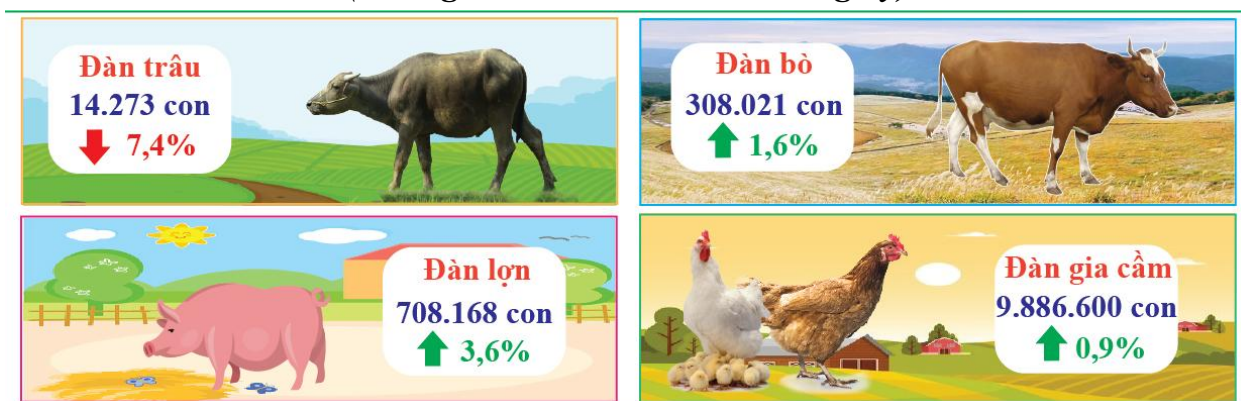
- Cây lạc đã gieo trồng đạt 11.817,2 ha, tăng 7,5% (+829,2 ha) so với cùng kỳ; trong đó diện tích đã thu hoạch được 11.817,2 ha, tăng 9,3% (+1.007,3 ha), sản lượng ước đạt 48.167,8 tấn, tăng 11% (+4.781,1 tấn) so với cùng kỳ;

- Rau các loại đã gieo trồng đạt 15.874,5 ha, giảm 3,7% (-612,2 ha) so với cùng kỳ; trong đó diện tích đã thu hoạch được 14.736,2 ha, giảm 3,9% (-601,2 ha) và sản lượng ước đạt 275.729,7 tấn, giảm 2,8% (-7.885,4 tấn) so với cùng kỳ;

- Đậu các loại: đã gieo trồng đạt 2.009,5 ha, tăng 6,5% (+122,5 ha) so với cùng kỳ; trong đó diện tích đã thu hoạch được 2.009,5 ha, tăng 6,5% (+122,5 ha) so với cùng kỳ và sản lượng ước đạt 3.557,2 tấn, tăng 10% (+322,5 tấn) so với cùng kỳ.

b. Chăn nuôi

Số lượng đầu con gia súc, gia cầm (Tháng 11 năm 2024 so với cùng kỳ)



Về số đầu con, số lượng đàn trâu hiện có 14.273 con, giảm 7,4% (-1.144 con) so với cùng kỳ. Đàn bò đạt 308.021 con, tăng 1,6% (+4.734 con) so với cùng kỳ. Tổng đàn bò sữa nuôi trong các trang trại, gia trại, hộ là 2.264 con, tăng 1,1% (+24 con) so với cùng kỳ. Đàn lợn (không kể lợn con chưa tách mẹ) đạt 708.168 con, tăng 3,6% (+24.739 con) so với cùng kỳ. Đàn gia cầm 9.886,6 nghìn con, tăng 0,9% (+90,1 nghìn con) so với cùng kỳ. Trong đó, đàn gà 8.385,3 nghìn con, tăng 0,8% (+67,8 nghìn con) so với cùng kỳ.

Ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng và sản phẩm chăn nuôi 11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ: Thịt trâu hơi đạt 1.336,4 tấn, giảm 10% (-147,9 tấn); thịt bò hơi đạt 34.898,5 tấn, tăng 1,5% (+518,4 tấn); Sản lượng sữa đạt 10.260,8 tấn, tăng 0,6%

(+63,8 tấn); thịt lợn hơi đạt 130.602 tấn, tăng 4% (+5.078,3 tấn); thịt gia cầm đạt 26.768,7 tấn, tăng 3,9% (+1.010 tấn); trong đó, thịt gà hơi đạt 23.194,6 tấn, tăng 5,9% (+1.284,4 tấn).

1.2. Lâm nghiệp

Từ đầu năm đến nay, diện tích trồng rừng tập trung được 5.507,2 ha, giảm 9,7% (-588,8 ha) so với cùng kỳ.

Mười một tháng năm 2024, các cơ sở sản xuất cây giống trên địa bàn tỉnh đã sản xuất được 183,3 triệu cây giống các loại, đạt 91,7% kế hoạch năm.

Ước tổng số gỗ khai thác toàn tỉnh tháng 11/2024 đạt 190.212 m³, tăng 0,3% (+652 m³) so với cùng kỳ; tổng số gỗ khai thác 11 tháng năm 2024 ước đạt 1.400.802 m³, tăng 3,6% (+48.207,2 m³) so với cùng kỳ. Toàn bộ gỗ từ rừng trồng chủ yếu làm nguyên liệu để chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ.

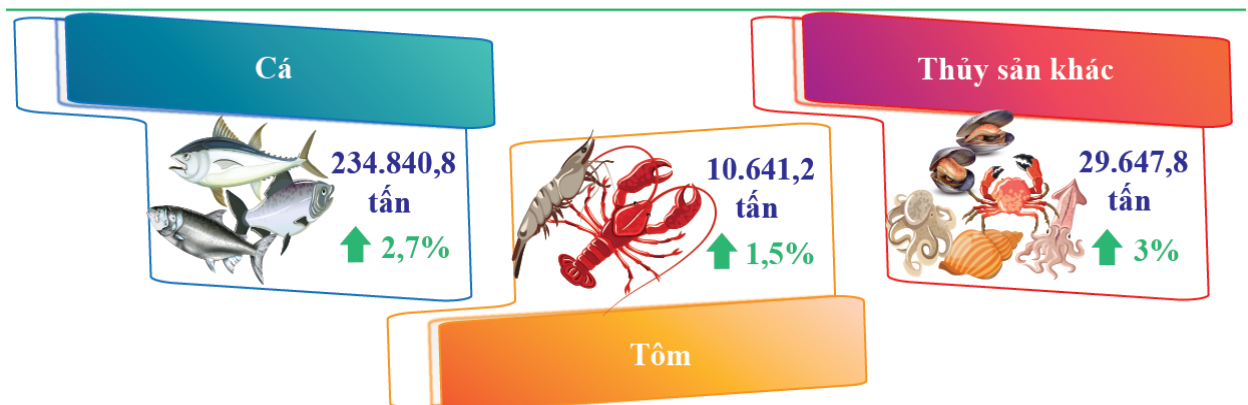
Ước tổng số củi khai thác tháng 11/2024 đạt 53.845 ster, tăng 2,3% (+1.220 ster) so với cùng kỳ, nâng tổng số củi khai thác trong 11 tháng năm 2024 ước đạt 491.514 ster, tăng 114,6 ster so với cùng kỳ; lượng củi khai thác chủ yếu là các cành cây tận dụng từ nguồn khai thác gỗ, như: Bạch đàn, keo...

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ, giảm 66,7% (-4 vụ) với diện tích rừng bị cháy 10,5 ha, giảm 55,9% (-13,3 ha) so với cùng kỳ; xảy ra 57 vụ phá rừng, tăng 83,9% (+26 vụ), diện tích bị phá 36,4 ha, tăng gấp 4,6 lần (+28,5 ha) so với cùng kỳ.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 11/2024 ước đạt 20.985,4 tấn, tăng 2,7% (+554,4 tấn) so với cùng kỳ; cộng dồn 11 tháng năm 2024 ước đạt 275.129,8 tấn, tăng 2,6% (+7.077,9 tấn) so với cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản chia theo loại con (11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ)



- Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 261.393,8 tấn, tăng 2,6% (+6.648,8 tấn); Sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 258.451,2 tấn, tăng 2,6% (+6.569,7 tấn), riêng khai thác cá ngừ đại dương ước đạt 13.218,6 tấn, giảm 1,2% (-156,7 tấn) so với cùng kỳ.

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 13.736 tấn, tăng 3,2% (+429,1 tấn), riêng tôm thẻ chân trắng ước đạt 8.869,2 tấn, tăng 1,3% (+110,3 tấn) so với cùng kỳ.

Sản xuất giống tôm thẻ chân trắng 11 tháng năm 2024 ước đạt 1.579 triệu con, giảm 23,1% (-475,1 triệu con) so với cùng kỳ.

Thực hiện Quyết định 48/2010/QĐ-TTg

Lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 12.204 hồ sơ, trong đó 9.929 hồ sơ đề nghị hỗ trợ nhiên liệu, 2.277 hồ sơ đề nghị hỗ trợ bảo hiểm. UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ (09 đợt) cho 7.650 hồ sơ với 604,4 tỷ đồng.

2. Sản xuất công nghiệp

Mười một tháng năm 2024, ngành sản xuất công nghiệp tại Bình Định tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì sự ổn định và tăng trưởng nhờ vào việc đẩy mạnh sản xuất ở các ngành chủ lực như chế biến thực phẩm, may mặc, chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, chế biến sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác, sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cũng được thực hiện đồng bộ, tập trung tháo gỡ khó khăn về vốn và tìm kiếm thị trường. Đồng thời, các dự án lớn trong lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng đang được triển khai nhằm nâng cao năng lực sản xuất và tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp. Ngoài ra, các ngành chức năng tại Bình Định đẩy mạnh chuyển đổi số và cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp gia tăng năng suất và tối ưu hóa chi phí sản xuất, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền công nghiệp địa phương.

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

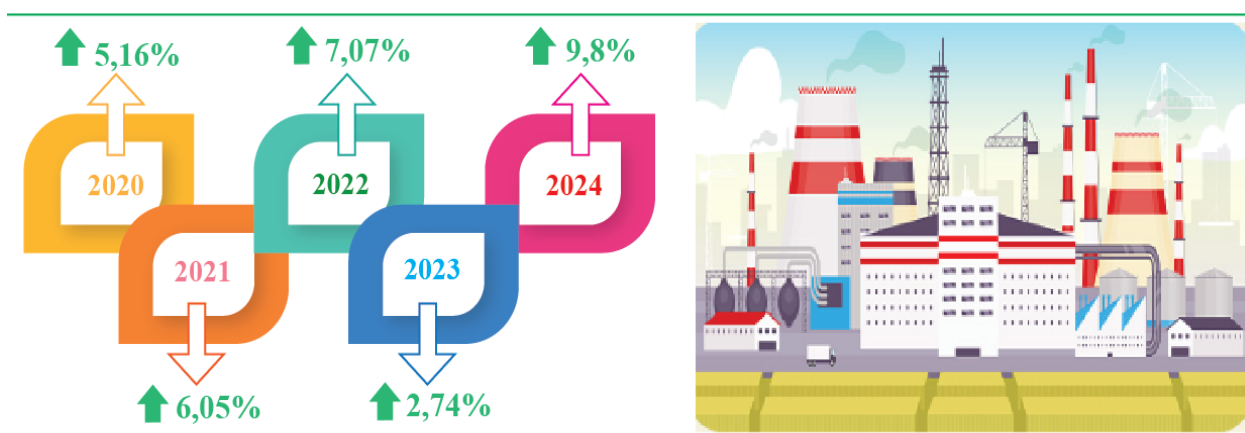
So với tháng trước, Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 năm 2024 tăng 4,58%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 17,92%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,26%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,38%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 0,94%.

So với cùng kỳ, Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 năm 2024 tăng 8,97%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 4,85%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,77%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,33%; ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 17,29%.

Năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội cả nước có nhiều khởi sắc với xu hướng tốt hơn đã tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh. Tỉnh đã kịp thời nắm bắt tình hình, đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2024 tăng 9,8%.

Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng so với cùng kỳ

Giai đoạn 2020-2024



Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng tăng 14,22%. Trong đó, khai thác quặng kim loại giảm 33,71%, nguyên nhân, do một số mỏ đã cạn nguồn quặng và một số mỏ đã hết hạn khai thác; hoạt động khai khoáng khác tăng 20,57% chủ yếu là khai thác đất đá phục vụ xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,18%. Cụ thể:

- Ngành chế biến thực phẩm tăng 8,47%, tác động chính từ sản phẩm sữa tăng 61,99% do mở rộng nhà máy sữa Bình Định đi vào hoạt động từ tháng 10/2023. Ngoài ra, thức ăn gia súc tăng 9,2%, thức ăn gia cầm tăng 5,57% do một số doanh nghiệp thành lập mới đi vào hoạt động như công ty Birgfeed, công ty Fago chi nhánh miền Trung, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hải Long Bình Định giai đoạn 2. Ngược lại, nhóm sản phẩm thủy sản chưa có sự hồi phục: Phi lê cá giảm 6,92%, tôm đông lạnh giảm 9,21%.

- Nhóm ngành Sản xuất trang phục tăng 6,41%. Ngành này có xu hướng tăng chậm lại do khách hàng thay đổi thiết kế một số chủng loại sản phẩm nên kéo dài thời gian hoàn thành sản phẩm từ 1,5 đến 2 tháng. Sản xuất sản phẩm quần áo lót tăng 17,05%; áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy tăng 12,12%; quần tất, bít tất tăng 2,19%.

- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 19,09%, chủ yếu do sản phẩm gạch ốp lát tăng rất mạnh, tăng 1.193,66%. Các sản phẩm khác cũng đạt tốc độ tăng trưởng tốt như: Gạch không nung tăng 9,77%; bê tông tươi tăng 10,31%.

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng cao 39,57%. Trong đó, tăng cao nhất là sản phẩm tấm lợp kim loại tăng 101,91%, đà tăng trưởng trên chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ đang hồi phục trở lại, nhất là thị trường xuất khẩu tăng trưởng mạnh, do đó doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất để giảm tồn kho nguyên liệu. Ngoài ra, do sản lượng tấm lợp kim loại cùng kỳ năm 2023 đạt mức thấp, góp phần đẩy tốc độ tăng cao so với cùng kỳ.

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 8,54% so cùng kỳ, đây là một trong những ngành phục hồi tốt sau giai đoạn khó khăn của năm 2023¹. Năm 2024, ngành chế biến liên quan đến gỗ (*Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế*) của tỉnh Bình Định tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu của địa phương, lần đầu tiên ngành này xuất khẩu cán mốc 1 tỷ USD trong năm 2024.

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,9%. Trong đó, điện sản xuất tăng nhẹ 0,64% do thủy điện chiếm cơ cấu lớn 60% nhưng sản lượng giảm mạnh. Ngược lại, nắng nóng nền nhiệt cao tạo thuận lợi cho các nhà máy điện năng lượng mặt trời hoạt động, sản lượng tăng cao; tuy nhiên do chiếm cơ cấu chỉ 40% nên tổng chung điện sản xuất giảm so cùng kỳ. Thời tiết nắng nóng người dân sử dụng thiết bị điều hòa tăng mạnh và các doanh nghiệp tăng sản xuất nên lượng điện tiêu thụ điện cao, do đó điện thương phẩm tăng 14,02%.

Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,32%. Trong đó, khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 6,62%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 9,88%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải tăng 23,41% do UBND tỉnh bổ sung kinh phí để tăng tần suất và mở rộng phạm vi thu gom trên địa bàn tỉnh.

2.2. Chỉ số sử dụng lao động công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động tháng 11 năm 2024 tăng 1,93% so với tháng trước do ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế sử dụng nhiều lao động đang có nhu cầu tuyển dụng công nhân phục vụ sản xuất. Trong đó, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,07%; Sản xuất và phân phối điện tăng 0,49%; ngành Khai khoáng và Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giữ mức ổn định so tháng trước.

Chỉ số sử dụng lao động tháng 11 năm 2024 tăng 4,23% so cùng kỳ do một số doanh nghiệp mới đi vào hoạt động và mở rộng sản xuất. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 1,14%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,42%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 2,16%; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải,

¹ Chỉ số sản xuất ngành này trong 11 tháng 2023 giảm 10,82%.

nước thải tăng 2,48%.

Theo loại hình doanh nghiệp, so với cùng kỳ chỉ số sử dụng lao động tháng 11 năm 2024 của khối doanh nghiệp Nhà nước tăng 2,84%; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 0,75%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 30,31%.

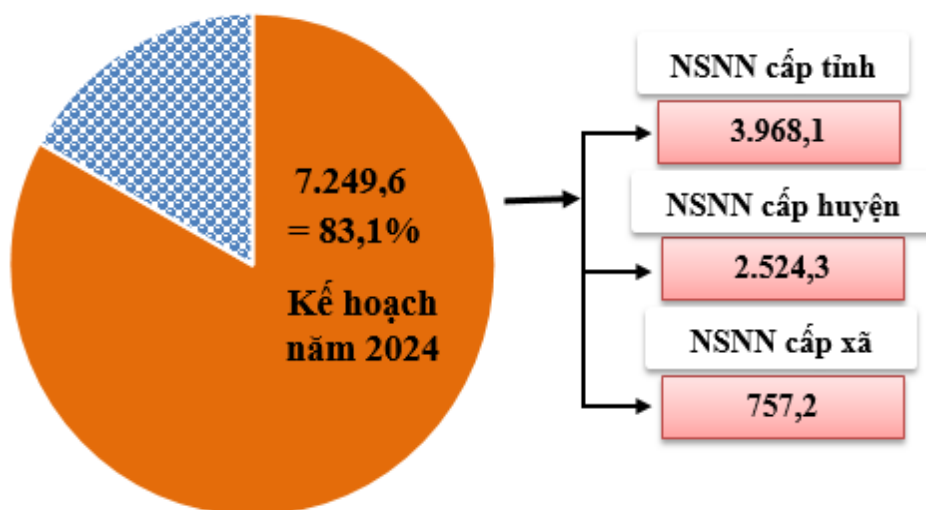
3. Đầu tư

Năm 2024 có ý nghĩa rất quan trọng góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đầu tư công góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra các hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc làm, tăng cường an sinh xã hội, không gian phát triển mới, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; tăng cường kết nối địa phương, kết nối vùng; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế, thúc đẩy phục hồi nhanh và phát triển bền vững... Với tầm trọng đó, ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã có kế hoạch rõ ràng cho từng nguồn vốn, đến nay tốc độ giải ngân vốn đầu tư công của các địa phương đều ổn định.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 11/2024 ước đạt 709,2 tỷ đồng, giảm 4,1% so tháng trước và tăng 28,8% so cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 7.249,6 tỷ đồng, giảm 4,2% so cùng kỳ năm 2023, đạt 83,1% kế hoạch năm, trong đó:

- Vốn Ngân sách cấp tỉnh đạt 3.968,1 tỷ đồng, giảm 5,4%, đạt 69,5%;
- Vốn Ngân sách cấp huyện đạt 2.524,3 tỷ đồng, giảm 2%, đạt 83,7%;
- Vốn Ngân sách cấp xã đạt 757,2 tỷ đồng, giảm 4,9%.

Vốn đầu tư thực hiện nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý 11 tháng năm 2024 (tỷ đồng)



Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh đang triển khai nhiều công trình dự án quan trọng đặc biệt là dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua Bình Định, công trình đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, hiện nay đã thi công được nhiều đoạn, phấn đấu đến cuối năm 2024 thực hiện được khoảng 65% tiến độ của dự án và đến năm 2025 sẽ hoàn thành dự án, dự kiến sẽ hoàn thành sớm hơn 3 tháng so với kế hoạch ban đầu.

Bên cạnh đó, nhiều dự án giao thông trọng điểm nhóm A, B cũng gấp rút thực hiện như: Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân; Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định; Xây dựng tuyến đường Ven Biển (ĐT 639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến – Quốc lộ 19 mới; Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn; Tuyến Đường Kết Nối với đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn; Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM); Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại; Tuyến đường kết nối từ phía Tây tỉnh (ĐT 638) đến đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ; Đập dâng Phú Phong; Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án Thành phố Quy Nhơn; Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn.

4. Hoạt động ngân hàng

Tính đến cuối tháng 11/2024, tổng số dư huy động vốn của hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định ước đạt 110.200 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ và tăng 5,6% so với tháng 12 năm 2023.

Tổng dư nợ cho vay tính đến 30/11/2024 ước đạt 109.900 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ và tăng 6% so với tháng 12 năm 2023.

Ước đến 30/11/2024 nợ xấu trên địa bàn tỉnh chiếm 0,8% so với tổng dư nợ.

5. Thương mại, dịch vụ

5.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Mười một tháng năm 2024, tình hình thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định duy trì ổn định, hàng hóa lưu thông thông suốt; tháng 11 trên địa bàn tỉnh đã bước vào mùa mưa và cũng là tháng thấp điểm của hoạt động du lịch, tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ đã tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, giá cả hợp lý với nhiều loại mặt hàng giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng. Hàng hóa lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, nước uống, nhiên liệu tại các doanh nghiệp, nhà phân phối trên địa bàn tỉnh dự trữ với số

lượng lớn, nguồn cung dồi dào đa dạng đảm bảo đáp ứng phục vụ tiêu dùng cho nhân dân và khả năng huy động khi cần thiết, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá cục bộ gây bất ổn thị trường.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2024 ước đạt 8.929 tỷ đồng, giảm 1% so với tháng trước và tăng 4,7% so cùng kỳ, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 7.020,7 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 3,6% so cùng kỳ;

Tháng 11 thời tiết không thuận lợi cho hoạt động du lịch, do đó, doanh thu một số ngành dịch vụ liên quan đến hoạt động du lịch giảm so với tháng trước như: lưu trú, ăn uống, lễ hành, dịch vụ vui chơi giải trí. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.124 tỷ đồng, giảm 8,4% so với tháng trước và tăng 6,9% so cùng kỳ; doanh thu du lịch lễ hành đạt 42,4 tỷ đồng, giảm 34,8% so với tháng trước và tăng 35,8% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác đạt 741,8 tỷ đồng, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 11,6% so cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 106.243,9 tỷ đồng, tăng 12,4% so cùng kỳ. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 11 tháng năm 2024 ước tính đạt 80.888 tỷ đồng, chiếm 76,1% tổng mức và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 5,4%; may mặc tăng 8,6%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,7%; xăng dầu tăng 18,7%; Đá quý, kim loại quý tăng 32%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 11 tháng năm 2024 ước tính đạt 15.766,7 tỷ đồng, chiếm 14,8% tổng mức, tăng 28,6% so với cùng kỳ, bao gồm: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 2.512,2 tỷ đồng, tăng 34,4% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 13.254,5 tỷ đồng, tăng 27,5% so với cùng kỳ.

Doanh thu du lịch lễ hành 11 tháng năm 2024 ước tính đạt 905,1 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức, tăng 40,4% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ khác 11 tháng năm 2024 ước tính đạt 8.684,1 tỷ đồng, chiếm 8,2% tổng mức, tăng 18,9% so với cùng kỳ.

5.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Năm 2024, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tỉnh Bình Định đạt kết quả tích cực, duy trì mức tăng cao. Vượt qua khó khăn, thách thức, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục xu hướng phục hồi và phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 11 tháng năm 2024 khả quan hơn so cùng kỳ, đạt được những

kết quả tích cực. Sự phục hồi của các thị trường xuất, nhập khẩu chủ lực, các đơn hàng xuất, nhập khẩu gia tăng.

a. Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11/2024 ước đạt 141,8 triệu USD, giảm 7,3% so với tháng trước và tăng 0,4% so cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 1.572 triệu USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu tăng so cùng kỳ: Hàng thủy hải sản ước 120,1 triệu USD, tăng 7,4%; Sản phẩm từ chất dẻo ước đạt 183 triệu USD, tăng 30,2%; Gỗ ước đạt 390,6 triệu USD, tăng 24%; Sản phẩm bàn ghế gỗ ước đạt 391,2 triệu USD, tăng 14%; Hàng dệt may ước đạt 316,5 triệu USD, tăng 5,3%; Giày dép da các loại ước đạt 4,8 triệu USD, tăng 41,8% so cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu giảm so cùng kỳ: gạo ước đạt 49,5 triệu USD, giảm 15,6%; Sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 73,8 triệu USD, giảm 5,8%; Nhóm quặng và khoáng sản khác ước đạt 24 triệu USD, giảm 21% so cùng kỳ.

Xuất khẩu trực tiếp 11 tháng năm 2024 ước đạt 1.563,3 triệu USD, chiếm 99,5% kim ngạch xuất khẩu. Các mặt hàng được xuất khẩu đến 112 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 châu lục. Trong đó, Châu Á đạt 609,2 triệu USD, chiếm 39% chủ yếu xuất sang các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Phi-lip-pin; Châu Âu đạt 315,1 triệu USD, chiếm 20,1% chủ yếu xuất sang các thị trường Anh, Đức, Hà Lan; Châu Mỹ đạt 593,8 triệu USD, chiếm 38% chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ...

b. Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 11/2024 ước đạt 41,7 triệu USD, tăng 3% so tháng trước và tăng 19,3% so cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 413,5 triệu USD, tăng 4,9% so cùng kỳ.

Trong đó, các mặt hàng nhập khẩu tăng so cùng kỳ: nguyên, phụ liệu dược phẩm ước đạt 17,8 triệu USD, tăng 0,6%; Nhóm gỗ nguyên liệu ước đạt 32 triệu USD, tăng 39%; vải các loại ước đạt 71,5 triệu USD, tăng 5,3%; nguyên phụ liệu dệt may, giày ước đạt 93,7 triệu USD, tăng 50,9%; Nhóm máy móc thiết bị dùng cho sản xuất ước đạt 44,1 triệu USD, tăng 10,4% so cùng kỳ.

Các mặt hàng nhập khẩu giảm so cùng kỳ: nhập khẩu nguyên liệu hàng thủy sản đạt 79,8 triệu USD, giảm 3,2%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc ước đạt 31,4 triệu USD, giảm 35,3%; phân bón ước đạt 20,9 triệu USD, giảm 22,3% so cùng kỳ.

5.3. Vận tải hành khách và hàng hóa

Thời tiết toàn tỉnh đang vào mùa mưa và là tháng thấp điểm của mùa du lịch nên lượng khách đến tỉnh tham quan giảm, sản lượng vận chuyển hàng hóa giảm do nhu cầu vận chuyển một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và các mặt hàng vật liệu xây dựng giảm. Doanh thu ngành kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm do doanh thu bốc xếp cảng biển giảm, giá trị xuất khẩu hàng hóa cũng như sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển đều giảm so với tháng trước đã tác động đến doanh thu chung của ngành kho bãi, dịch vụ vận tải.

a. Vận tải hành khách

Tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy tháng 11/2024 ước đạt 3.874,9 nghìn hành khách, luân chuyển 384,4 triệu HK.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 5%, luân chuyển giảm 6,5%. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 22,6%, luân chuyển tăng 19,8%.

Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy ước đạt 45.231,6 nghìn hành khách, luân chuyển 4.605,3 triệu HK.km. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 20,9%, luân chuyển tăng 23,0%.

b. Vận tải hàng hoá

Tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy tháng 11/2024 ước đạt 3.043,4 nghìn tấn, luân chuyển 387,2 triệu tấn.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 2,4%, luân chuyển giảm 2,8%. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 14,8%, luân chuyển tăng 2,8%.

Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy ước đạt 33.125,4 nghìn tấn, luân chuyển 4.525,1 triệu tấn.km. So cùng kỳ, vận chuyển tăng 10,5%, luân chuyển tăng 6,8%.

Hàng hoá thông qua cảng biển tại địa phương trong tháng 11 năm 2024 ước đạt 1.060 nghìn TTQ, giảm 8,7% so với tháng trước, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, ước đạt 13.216,4 nghìn TTQ tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước.

c. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ và bưu chính, chuyển phát

Nhìn chung, tình hình kinh doanh vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh trong 11 tháng năm 2024 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, vận tải hành khách luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu đi lại của người dân tại địa phương và du khách đến tỉnh tham quan. Hiện nay, tại thành phố Quy Nhơn người dân đã quen dần với việc sử dụng

dịch vụ xe taxi điện, với mức cước cạnh tranh, các hãng taxi điện thường xuyên trong tình trạng quá tải và đang lên kế hoạch sẽ đưa thêm xe vào phục vụ hành khách như: Lado; Taxi Let's Go... Vận tải hàng hóa hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo lưu thông hàng hóa nhằm phục vụ nhu cầu vận chuyển cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh và một số địa phương khác trong nước.

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy và bưu chính, chuyên phát tháng 11/2024 ước đạt 989,4 tỷ đồng, giảm 1,9% so tháng trước và tăng 10,8% so cùng kỳ. Trong đó, vận tải hành khách đạt 192 tỷ đồng, giảm 1,9% so với tháng trước và tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 19,5% so với tổng doanh thu vận tải, kho bãi; vận tải hàng hóa đạt 500,6 tỷ đồng, giảm 1,8% so với tháng trước và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng cao nhất (49,8%) so với tổng doanh thu vận tải, kho bãi; Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 294,4 tỷ đồng, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 30,5% so với tổng doanh thu vận tải, kho bãi. Doanh thu bưu chính, chuyên phát đạt 2,4 tỷ đồng, giảm 1,3% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng năm 2024, doanh thu kinh doanh vận tải, kho bãi dự tính đạt 11.168,6 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2023; Trong đó: vận tải hành khách đạt 2.179 tỷ đồng, tăng 30,9%; vận tải hàng hóa đạt 5.558,2 tỷ đồng, tăng 8,9%; dịch vụ kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải khác đạt 3.403,7 tỷ đồng, tăng 13,5%; bưu chính, chuyên phát đạt 27,7 tỷ đồng, tăng 10%.

6. Chỉ số giá

6.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tháng 11/2024, tình hình thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định, lưu thông thông suốt, nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ đã tiếp tục tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, giá cả hợp lý với nhiều loại mặt hàng giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng. Nhìn chung các mặt hàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, nguồn cung dồi dào đa dạng đảm bảo đáp ứng phục vụ tiêu dùng cho nhân dân và khả năng huy động khi cần thiết, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá cục bộ gây bất ổn thị trường.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Bình Định tháng 11/2024 tăng 0,06% so tháng trước, tăng 2,72% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,68% so với tháng 12 năm trước; bình quân 11 tháng năm 2024 tăng 2,73% so với cùng kỳ.

Trong 11 nhóm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng chính, có 04 nhóm tăng giá so với tháng trước như: Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,53%;

nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,05%; nhóm đồ dùng gia đình và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch đều tăng 0,01%. Có 02 nhóm có chỉ số giảm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,04%; nhóm nhóm giao thông giảm 0,39%. Có 5 nhóm ổn định so với tháng trước là: Nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép; nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm giáo dục; nhóm bưu chính viễn thông.

Chỉ số giá tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ 11 tháng năm 2024 so với bình quân cùng kỳ năm trước tăng 2,73%, Trong đó, có 10 nhóm chỉ số tăng; tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 9,5%; Kế tiếp là nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,31%; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,6%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,26%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,83%; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 1,76%; Nhóm giao thông tăng 1,33%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,47%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,17%; Tăng thấp nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%. Ngược lại, có 01 nhóm giảm là nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,49%.

6.2. Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá vàng thế giới vẫn tiếp tục tăng, đã ảnh hưởng đến giá vàng trong nước tăng. Giá vàng tại thị trường trong tỉnh bình quân tháng 11 ở mức 8.336 ngàn đồng/chỉ, tăng 2,52% so với tháng trước; tăng 39,52% so với tháng 12/2023 và tăng 44,81% so với cùng kỳ; bình quân 11 tháng năm 2024 tăng 31,26% so cùng kỳ.

Giá đô la Mỹ bình quân tháng 11 năm 2024 là 25.480 VNĐ/USD, tăng 1,40% so tháng trước; tăng 4,27% so với tháng 12/2023 và tăng 4,05% so với cùng kỳ; bình quân 11 tháng năm 2024 tăng 5,02% so cùng kỳ.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Tình hình đời sống dân cư

Trong tháng 11/2024, tình hình đời sống dân cư tương đối ổn định. Công tác chăm lo an sinh xã hội, đời sống vật chất cho các đối tượng chính sách tiếp tục được thực hiện; công tác giảm nghèo được quan tâm, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dự án hỗ trợ cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân.

7.2. Tình hình dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ

Ngành Y tế Bình Định đã duy trì tốt công tác kiểm tra, giám sát dịch tễ, đặc biệt giám sát 22 trường hợp viêm phổi nặng nghi do vi rút, kết quả có 09 trường hợp dương tính với cúm A/H1pdm, trong đó có 04 trường hợp tử vong.

7.3. Tai nạn giao thông

Trong tháng 11/2024 (từ ngày 15/10/2024 đến ngày 14/11/2024) trên địa bàn tỉnh xảy ra 44 vụ tai nạn giao thông, làm 23 người chết và 33 người bị thương. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông tăng 18,9% (+7 vụ), số người chết giảm 8% (-2 người) và số người bị thương tăng 73,7% (+14 người). So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 48,2% (-41 vụ), người chết giảm 23,3% (-7 người) và người bị thương giảm 55,4% (-41 người).

Trong tháng, lực lượng cảnh sát giao thông đã kiểm tra, xử lý 5.751 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền hơn 11 tỷ đồng, tạm giữ 2.383 lượt phương tiện vi phạm, tước giấy phép lái xe có thời hạn 655 trường hợp.

Tính chung 11 tháng năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 437 vụ tai nạn giao thông, làm 206 người chết và 326 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 11 tháng năm 2024 giảm 7,6% (-36 vụ), người chết giảm 17,6% (-44 người) và người bị thương giảm 7,4% (-26 người). Bình quân 1 tháng trong 11 tháng năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông, làm 19 người chết và 30 người bị thương.

7.4. Tình hình bảo vệ môi trường

Trong tháng 11/2024, trên địa bàn tỉnh Bình Định xảy ra 04 vụ vi phạm môi trường, giảm 20% (-01 vụ) so với tháng trước, giảm 42,9% (-03 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử lý 04 vụ, giảm 55,6% (-05 vụ) so với tháng trước, giảm 42,9% (-03 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử phạt 51,50 triệu đồng, giảm 45,8% (-43,5 triệu đồng) so với tháng trước, giảm 20,5% (-13,3 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung mười một tháng năm 2024, đã phát hiện 56 vụ vi phạm môi trường, giảm 18,8% (-13 vụ) so với cùng kỳ năm trước; đã xử lý 62 vụ, giảm 11,4% (-08 vụ) so cùng kỳ năm trước; đã xử phạt 791,2 triệu đồng, giảm 40,4% (-537,3 triệu đồng).

7.5. Tác động do thiên tai, hỏa hoạn

Trong tháng 11/2024, trên địa bàn tỉnh Bình Định đã xảy ra 04 vụ thiên tai, tăng 300% (+03 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: 01 vụ gió mạnh trên biển gây chìm tàu ngày 08/11/2024; 02 vụ do mưa lớn ngày 06-07/11/2024 và 22/1/2024 làm 01 người chết, gây ngập lụt làm hư 10 ha đất trồng rau, làm chết 03 con bò, 01 con dê, làm sạt lở đất đá một số tuyến đường gây ảnh hưởng đến đời sống và đi lại của người dân; 01 vụ sét đánh làm hỏng thuyền đang khai thác ngoài khơi vào ngày

05/11/2024. Ước tổng giá trị thiệt hại là 281,2 triệu đồng, giảm 96,8% (-8.584 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH và PBTTK - TCTK;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đỗ Minh Dương